

IDVN

Viet Nam International Law Firm

LEGAL UPDATE

Dispute Settlement

QUYỀN KHỞI KIẾN NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
TẠI CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN THEO
QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP



QUYỀN KHỞI KIẾN NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP

Luật sư Phạm Minh Tiến

Có thể nói người quản lý doanh nghiệp (người quản lý) giữ một vai trò hết sức quan trọng trong doanh nghiệp. Khi ở vị trí là Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên hay thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hay thành viên Ban giám đốc, người quản lý là người nắm giữ những thông tin cốt yếu và trực tiếp điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Luật doanh nghiệp năm 2014 và Luật doanh nghiệp năm 2020 đều bảo vệ và tạo cơ chế cho các chủ sở hữu, thành viên và cổ đông công ty được quyền khởi kiện đối với người quản lý khi họ vi phạm các trách nhiệm, lạm dụng vị trí quản lý để tư lợi hoặc không thực hiện công việc theo đúng quyền hạn của mình. Thực tế cho thấy các nhà đầu tư trên thị trường ngày càng ý thức về quyền lợi và bảo vệ tài sản đầu tư của mình với tư cách là chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty. Các vụ kiện yêu cầu bồi thường do vi phạm quyền và nghĩa vụ người quản lý dân gia tăng nhiều hơn.

1. Quyền khởi kiện người quản lý doanh nghiệp của thành viên Hội đồng thành viên

Theo quy định của pháp luật hiện hành, trong công ty trách nhiệm hữu hạn, bất kỳ thành viên nào của Hội đồng thành viên cũng được quyền khởi kiện đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật và người quản lý khác. Đồng thời, quy định này cũng phù hợp với chế định quyền sở hữu tài sản theo Bộ luật dân sự. Khi một chủ thể có quyền sở hữu đối với tài sản của mình thì họ được pháp luật bảo vệ ngay từ thời điểm phát sinh quyền sở hữu đó. Cụ thể, quyền khởi kiện người quản lý doanh nghiệp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được nêu rõ ở các quy định sau:

- Điều g, khoản 1, Điều 49 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định:

“Điều 49. Quyền của thành viên Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên có các quyền sau đây:

...

g) Tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và người quản lý khác theo quy định tại Điều 72 của Luật này;”

- Điều 72 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định:

“Điều 72. Khởi kiện người quản lý

1. Thành viên công ty tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và người quản lý khác do vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý trong trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm quy định tại Điều 71 của Luật này;
 - b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.
3. Chi phí khởi kiện trong trường hợp thành viên khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.”

- Điều 186 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự 2015 quy định:

“Điều 186. Quyền khởi kiện vụ án

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án (sau đây gọi chung là người khởi kiện) tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.”

Theo các quy định trích dẫn trên đây, có thể thấy rằng, **thành viên** công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có quyền (i) **tự mình** hoặc (ii) **nhân danh công ty** khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với người quản lý doanh nghiệp (bao gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty) tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi người quản lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Doanh Nghiệp 2020, **bất kể hành vi vi phạm của người quản lý trong các trường hợp này có làm phát sinh thiệt hại cho công ty hay không**.

2. Hành vi vi phạm của người quản lý có thể bị kiện

Người quản lý công ty bị kiện về tổng thể phải có hành vi vi phạm (i) **pháp luật** doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; (ii) **Điều lệ công ty** – với tư cách là luật nội bộ của công ty và (iii) **các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên** mang tính chất phân công, phân quyền. Cụ thể, các hành vi vi phạm của người quản lý công ty có thể bị kiện được quy định tại Điều 71 và khoản 1 Điều 72 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm:

- Vi phạm trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
- Vi phạm trách nhiệm trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Vi phạm trách nhiệm thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối;

- Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên đối với quyền và nghĩa vụ được giao; và
- Vi phạm trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Thời hiệu khởi kiện người quản lý doanh nghiệp

Về thời hiệu khởi kiện người quản lý doanh nghiệp (là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện – khoản 3 Điều 150 Bộ luật Dân sự 2015), pháp luật hiện hành không có quy định cụ thể nào về thời hiệu khởi kiện đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ của người quản lý.

Luật Doanh nghiệp 2020 hiện nay chỉ có quy định về thời hạn thành viên Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên tại điểm d khoản 2 Điều 49 Luật Doanh nghiệp 2020 và thời hạn cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020.

Trong trường hợp người quản lý doanh nghiệp bị yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình, tùy từng trường hợp cụ thể mà thời hiệu khởi kiện sẽ được quy định tại các Điều luật khác nhau:

- **Trường hợp #1:** Giả định rằng giữa công ty và người quản lý có giao kết hợp đồng trách nhiệm hay những loại hợp đồng khác, trong đó quy định trách nhiệm của người quản lý. Theo đó, trường hợp người quản lý vi phạm quy định tại Điều lệ và luật doanh nghiệp mà gây thiệt hại thì có thể hiểu rằng thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429 [Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng] của Bộ luật Dân sự 2015.
- **Trường hợp #2:** Giả định rằng giữa công ty và người quản lý **không** giao kết hợp đồng trách nhiệm hay những loại hợp đồng khác, trong đó quy định trách nhiệm của người quản lý. Theo đó, trường hợp người quản lý vi phạm quy định tại Điều lệ và luật doanh nghiệp mà gây thiệt hại thì có thể hiểu rằng thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 588 Bộ Luật Dân Sự 2015 sẽ áp dụng trong trường hợp phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Theo đó, thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cũng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm theo Điều 588 Bộ luật Dân sự 2015.

Khoản 1 Điều 154 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự được tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. ...*” căn cứ theo quy định này, thời hiệu

khởi kiện vụ án dân sự được tính từ ngày công ty/ thành viên công ty biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

4. Thực tiễn giải quyết tại Tòa án

Toà án trong thời gian gần đây cũng đã có quyết định thụ lý và đưa ra xét xử tranh chấp về trách nhiệm dân sự của người quản lý công ty do người này không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình dù không phát sinh thiệt hại. Cụ thể:

Trên cơ sở Bản án số 43/2018/KDTM-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/09/2018, nguyên đơn là cổ đông đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và Phó Tổng Giám đốc Thường trực tại công ty cổ phần tập đoàn TN, bị đơn là cổ đông đồng thời là Chủ tịch hội đồng quản trị tại công ty này. Theo nội dung bản án được tiếp cận, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết nhiều vấn đề trong đó có những yêu cầu liên quan đến hành vi vi phạm của người quản lý doanh nghiệp như: **(i)** bãi nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Thường trực của nguyên đơn không đúng quy trình; **(ii)** ngăn cấm, cản trở nguyên đơn thực hiện việc điều hành, quản lý hoạt động của công ty cổ phần tập đoàn TN. Tại phần quyết định của bản án, Tòa án tuyên xử chấp nhận các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn, theo đó: **(i)** hủy bỏ quyết định của bị đơn về việc bãi nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Thường trực đối với nguyên đơn; **(ii)** yêu cầu bị đơn không thực hiện các hành vi ngăn cấm, cản trở nguyên đơn thực hiện việc điều hành, quản lý hoạt động của công ty cổ phần tập đoàn TN.

5. Lời kết

Luật doanh nghiệp năm 2020 đã đưa ra những cơ chế kiểm soát chặt chẽ hơn, nâng cao và mở rộng hơn phạm vi chịu trách nhiệm của người quản lý cũng như đặt ra các tiêu chuẩn khắt khe hơn đối với người quản lý doanh nghiệp, thông qua đó, giúp tăng hiệu quả quản trị doanh nghiệp và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của các chủ sở hữu, cổ đông công ty. Trên thực tế, nhiều bất đồng, tranh chấp trong quản trị nội bộ doanh nghiệp cho thấy, các doanh nghiệp chưa nhận thức và đánh giá đúng vị trí vai trò của người quản lý. Doanh nghiệp và bản thân người quản lý thậm chí còn cố ý bỏ qua các yêu cầu và tiêu chuẩn trách nhiệm quản lý doanh nghiệp được pháp luật quy định. Do đó, Điều lệ và các quy chế nội bộ của doanh nghiệp nên được chú trọng xây dựng chặt chẽ, chi tiết cụ thể về quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng vị trí quản lý trong doanh nghiệp. Bên cạnh Luật doanh nghiệp, các văn bản này sẽ trở thành những công cụ pháp lý hữu hiệu, điều chỉnh trực tiếp về vấn đề điều hành, kiểm soát, giám sát doanh nghiệp, phòng ngừa và xử lý các xung đột lợi ích và các giao dịch có tính chất tư lợi, qua đó, sẽ tạo thêm sức mạnh bền vững cho doanh nghiệp./.

** (Các quan điểm thể hiện trong bài viết này là quan điểm của cá nhân tác giả, không phải của Văn phòng luật sư IDVN)*